




Kết quả giảm nghèo vùng đồng bào DTTS và định hướng chính sách giai đoạn tới


Thái Nguyên, tháng 6 năm 2014



Ban hành chính sách giảm nghèo đặc thù

1. Nghị quyết 30a

- Xuất phát từ nhu cầu thực tế về giảm nghèo ở các địa phương;
- Xây dựng cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, đánh giá;
- Bổ sung diện được hưởng cơ chế, chính sách theo NQ30a;
- Kết quả giảm nghèo nhanh ở các huyện nghèo.




Ban hành chính sách giảm nghèo đặc thù

2. Xây dựng, ban hành NQ 80/NQ-CP

- Tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư cho các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn;
- Hình thành 02 nhóm chính sách: nhóm chính sách giảm nghèo chung và nhóm chính sách đặc thù;

3. Hình thành CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015



Ban hành chính sách giảm nghèo đặc thù

4. Các chính sách và CTGN của Quốc gia chủ yếu tập trung vào vùng dân tộc và miền núi; trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống như: Hỗ trợ sản xuất; giáo dục; y tế; nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sạch, vệ sinh; tiếp cận thông tin trợ giúp pháp lý...

5. Nguồn lực đầu tư cho các huyện, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 90% tổng nguồn vốn của cả cả nước.



VỀ xác định đối tượng hộ nghèo dân tộc thiểu số

1. Xây dựng, trình ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng trong từng giai đoạn

Hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm, hướng dẫn xác định, phân loại đối tượng hộ nghèo, trong đó có đối tượng hộ nghèo dân tộc thiểu số, làm cơ sở để thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù.



VỀ xác định đối tượng hộ nghèo dân tộc thiểu số

2. Kết quả giảm nghèo vùng DTTS

a) Giai đoạn 2005-2010

Tỷ lệ hộ nghèo cả nước đã giảm từ 22% (năm 2005) xuống còn 9,45% (năm 2010);

Tỷ lệ hộ nghèo ở các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn đã giảm từ 47% năm 2006 xuống còn 28,8% năm 2010.

VỀ xác định đối tượng hộ nghèo dân tộc thiểu số

b) Giai đoạn 2010-2013

Tỷ lệ hộ nghèo cả nước đã giảm từ 14,2% (năm 2010) xuống còn 7,8% (năm 2013);

Tỷ lệ hộ nghèo tại 62 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP giảm từ 58,33% (năm 2010) xuống còn 38,20% (năm 2013), tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm bình quân 5-7%/năm;



Về lĩnh vực Lao động - Việc làm và Dạy nghề

1. Tham mưu, trình ban hành chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg, trong đó có chính sách ưu tiên cho lao động nghèo dân tộc thiểu số

Trong 3 năm (2010-2012), các địa phương đã tổ chức dạy nghề cho 223.792 người dân tộc thiểu số (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng), chiếm 20,6% tổng số người được hỗ trợ học nghề của cả nước



Về lĩnh vực Lao động - Việc làm và Dạy nghề

2. Tham mưu, trình ban hành Quyết định 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững

Từ năm 2009 đến nay, đã có hơn 20.000 lao động các huyện nghèo đăng ký tham gia trên 10.000 lao động được đi làm việc tại các thị trường như Malaysia, UAE, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ả rập xê út, Đài Loan... trong đó lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số chiếm khoảng 95%.



Về lĩnh vực Lao động - Việc làm và Dạy nghề

3. Chính sách việc làm cũng đã góp phần thực hiện giảm nghèo vùng dân tộc miền núi


- Đã giải quyết việc làm cho hàng trăm nghìn lao động là đồng bào dân tộc thiểu số;
- Riêng Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm đã hỗ trợ cho hơn chục ngàn lao động thiểu số ở các địa phương được vay vốn, tạo việc làm.



Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế

- Kết quả giảm nghèo chưa vững chắc, chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư chưa được thu hẹp, nhất là khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên
- Mặc dù tỷ lệ nghèo đã giảm nhanh, nhưng nhiều nơi tỷ lệ nghèo vẫn còn trên 50%, cá biệt còn trên 60-70%...



Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

- Số lượng chính sách nhiều, manh mún, dàn trải, một số chưa phù hợp và chưa hiệu quả;
- Việc tổ chức thực hiện chính sách ở một số nơi còn chưa kịp thời; chưa gắn kết giữa hỗ trợ đời sống, phát triển sản xuất với chuyển giao khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, bảo vệ môi trường.



Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

- Nguồn lực bố trí không cân đối với chính sách ban hành; hiệu quả thực thi chính sách ở một số địa phương chưa cao; thiếu cân đối giữa bố trí ngân sách đầu tư hạ tầng với hỗ trợ tạo sinh kế cho người dân;
- Nhiều chính sách còn cho không, tạo ra sự ỷ lại của đối tượng thụ hưởng, thiếu công bằng và chưa phát huy vai trò chủ động của người dân.



Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan:

- Điều kiện kinh tế - xã hội của khu vực miền núi có xuất phát điểm thấp, mặt bằng dân trí nói chung còn hạn chế;
- Khả năng tiếp nhận chính sách hỗ trợ của đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế, nhất là khó khăn về ngôn ngữ, trình độ giao tiếp



Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Hạn chế về thông tin, tuyên truyền;
- Chưa quan tâm đầu tư hỗ trợ tạo sinh kế, thiếu cơ chế trao quyền cho cộng đồng, người dân;
- Hạn chế trong việc lồng ghép nguồn lực dẫn đến dàn trải, phân tán, chưa tạo ra hiệu quả tổng hợp tác động thực sự tới đối tượng thụ hưởng.



Định hướng giảm nghèo vùng ĐBDTTS sau năm 2015

1. Định hướng chung

- rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống chính sách về DTMN theo hướng hình thành chính sách tổng thể, đa mục tiêu, dài hạn;
- Chính sách cần tập trung hỗ trợ cho hộ gia đình phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập, hỗ trợ bảo đảm đủ mức, nhu cầu cụ thể do hộ gia đình lựa chọn



Định hướng giảm nghèo vùng ĐBDTTS sau năm 2015

- Nghiên cứu cơ chế phân cấp, trao quyền cho cộng đồng trực tiếp tổ chức thực hiện các chính sách giảm nghèo, gắn với nhu cầu thực tế của người dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc;
- Nghiên cứu, bổ sung chính sách hỗ trợ sản xuất đối với hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhất là ở khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.



Định hướng giảm nghèo vùng ĐBDTTS sau năm 2015

2. Nội dung cụ thể hướng sửa đổi cơ chế, chính sách giảm nghèo sau năm 2015

- Chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo: tích hợp một số chương trình tín dụng ưu đãi hiện hành, lấy đối tượng hộ gia đình làm trung tâm, hạn mức đủ để gia đình tự lựa chọn nhu cầu ưu tiên để vay vốn, không ban hành chính sách cho vay với lãi suất 0%;



Định hướng giảm nghèo vùng ĐBDTTS sau năm 2015

- Về chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo đối với học sinh nghèo: tích hợp các chính sách giảm nghèo hiện hành thành văn bản chính sách mang tính hệ thống, dựa trên nhu cầu tối thiểu thiết yếu mà đối tượng người nghèo cần phải có để tiếp cận được dịch vụ giáo dục - đào tạo; nghiên cứu, xây dựng chính sách quy định vị trí việc làm đặc thù cho các trường phổ thông dân tộc bán trú, trong đó có vị trí nhân viên cấp dưỡng theo định suất 01 người/30 học sinh có ăn bán trú tại trường.



Định hướng giảm nghèo vùng ĐBDTTS sau năm 2015

- Về chính sách hỗ trợ sản xuất đối với hộ nghèo: xây dựng chính sách hỗ trợ sản xuất chung đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, trong đó có các mức hỗ trợ ưu tiên cho hộ dân tộc thiểu số, hộ nghèo trên địa bàn các huyện, xã nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; áp dụng cơ chế giao cộng đồng tổ chức thực hiện các nhu cầu sinh kế phù hợp với từng địa bàn, nhóm dân tộc.



Định hướng giảm nghèo vùng ĐBDTTS sau năm 2015

- Về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo: tích hợp lại chính sách trợ giúp pháp lý chung đối với hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có chính sách ưu tiên đối với hộ nghèo trên địa bàn các huyện, xã nghèo; mở rộng đối tượng thụ hưởng là người nghèo thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.



Định hướng giảm nghèo vùng ĐBDTTS sau năm 2015

- Về chính sách đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số: tích hợp chính sách chung đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó ưu tiên nhóm đồng bào dân tộc thiểu số ít người.
- Về chính sách đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động:
 - + Đối với chính sách tạo việc làm: Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tạo việc làm; chính sách tạo việc làm công;



Định hướng giảm nghèo vùng ĐBDTTS sau năm 2015

+ Chính sách dạy nghề: thống nhất các chương trình dạy nghề hiện hành; sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ tiền ăn, đi lại đối với lao động nông thôn thuộc hộ nghèo và cận nghèo, nhất là lao động dân tộc thiểu số.

+ Chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động: điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho người lao động đi xuất khẩu và mở rộng địa bàn được áp dụng.



Định hướng giảm nghèo vùng ĐBDTTS sau năm 2015

- Về chính sách hỗ trợ chuyển giao KHKT: tích hợp chính sách hỗ trợ chuyển giao khoa học, kỹ thuật cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, trong đó ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số.



Định hướng giảm nghèo vùng ĐBDTTS sau năm 2015

- Về cơ chế quản lý: nghiên cứu, xây dựng cơ chế quản lý vốn đầu tư cho giảm nghèo, cơ chế lập và giao kế hoạch hàng năm sang trung hạn để tăng cường phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở, cộng đồng; hướng tích hợp các chương trình, dự án để hạn chế tình trạng trùng lắp trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu cấp xã, dưới xã.
- Về cơ chế thanh quyết toán vốn giao cho cộng đồng làm chủ đầu tư./.